

Bản án số: 07/2025/DS-PT

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v: “Chia tài sản chung là  
quyền sử dụng đất của hộ gia  
đình, chia di sản thừa kế theo  
pháp luật”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Trang**.

*Các Thẩm phán:* Bà **Phạm Thị Anh Trang**;

Bà **Trần Thị Diệu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Phó Hà Vy** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Ó**, sinh năm 1963; (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1971; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị Thúy P, sinh năm 1979; (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Mỹ C, sinh năm 1981; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Bà **Phạm Thị D** là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Ó trình bày:**

Ông Phạm Ó chung sống với ông N, bà S từ khi mới sinh ra (năm 1963), khi biết nhận thức, ông gọi ông N là cha, gọi bà S là mẹ và ngược lại ông N, bà S gọi ông là con. Ông chung sống cùng với ông N, bà S được ông N, bà S hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi trưởng thành, ông N, bà S có nói cho ông biết là ông không phải là con ruột của ông N, bà S mà là con ruột của ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị M là em ruột ông Phạm Như . Lý do nhận ông Ó về nuôi do cha ông Óm chết trong chiến tranh, mẹ ông Ó vừa sinh ông ra đã qua đời. Từ khi biết mình không phải là con ruột của ông N, bà S ông Ó vẫn xem ông N, bà S là cha mẹ mình, cùng chung sống hòa thuận, cùng lao động sản xuất chăm sóc cha mẹ và các em Phạm Thị D, Phạm Thị Thúy P (con ruột ông N, bà S). Năm 2004 ông Phạm N chết, năm 2014 bà Nguyễn Thị S chết, cả hai không ai để lại di chúc.

Trước đó, vào năm 1986 hộ gia đình ông Phạm N được nhà nước giao khoán thửa đất số 489, 489a tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã P. Thời điểm giao khoán hộ ông Phạm N có 05 người gồm: ông Phạm N, bà Nguyễn Thị S, ông Phạm Ó, bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị Thúy P. Từ khi được giao khoán đất đến nay, hộ gia đình ông Phạm N chưa làm thủ tục phân chia và chuyển quyền sử dụng đất này cho ai. Sau khi cha mẹ đều mất, ông Ó có yêu cầu bà D và bà P phân chia đất của hộ gia đình được nhà nước giao khoán cho ông Ó để ông canh tác, sử dụng. Tuy nhiên, bà D và bà P không đồng ý phân chia mà giữ đất sử dụng cho đến nay.

Do đó, ông Ó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất thửa đất số 489, 489a tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã P cho các thành viên hộ gia đình sử dụng;

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm N và bà Nguyễn Thị S là quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của hộ gia đình nêu trên cho các đồng thừa

kế theo pháp luật. Quá trình đo đạc thực tế thửa đất 489 có diện tích đo đạc thực tế là 2032,2m<sup>2</sup>; thửa đất số 489a có diện tích đo đạc thực tế là 822,3m<sup>2</sup> nhưng thực tế sử dụng là 619,1m<sup>2</sup>, phần diện tích 203,2m<sup>2</sup> hiện nay bà Phan Thị Mỹ C1 đang sử dụng. Ông Phạm Ốm xác Đ ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất có diện tích 203,2m<sup>2</sup> hiện nay bà Phạm Thị Mỹ C sử dụng, trường hợp có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện khác, ông Ố không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**Bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:**

Hộ gia đình ông Phạm N được nhà nước giao khoán thửa đất số 489, 489a tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã P Năm nào thì bà không nhớ giao khoán cho 05 người gồm: ông Phạm N, bà Nguyễn Thị S, ông Phạm Ố, bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị Thúy P. Sau khi cha mẹ qua đời, bà là người đang quản lý, sử dụng toàn bộ hai thửa đất này. Nay ông Phạm Ố yêu cầu Tòa án nhân huyện N giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với hai thửa đất trên thì bà có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình: bà đồng ý chia làm 05 phần cho 05 thành viên của hộ. Phần của ông Phạm Ố được bao nhiêu thì bà đồng ý giao lại cho ông Phạm Ố theo phương thức bốc thăm ai trúng phần nào thì nhận phần đó.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà ông N, bà S trong khối tài sản chung được phân chia ở trên thì bà không đồng ý chia thừa kế cho ông Ố vì ông Ố được cha mẹ bà đem về nuôi từ nhỏ, không phải con đẻ của cha mẹ bà.

- Đối với phần diện tích đất phân chia, đề nghị căn cứ diện tích đất thực tế theo trích lục đo đạc của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh N1 để giải quyết. Riêng phần đất 203,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 489a hiện nay bà Phạm Thị Mỹ C đang sử dụng thì bà không có tranh chấp với bà C và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thúy P có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến về việc khởi kiện của ông Phạm Ố như sau:**

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Đề nghị Tòa án chia theo pháp luật;

- Đối với yêu cầu chia thừa kế: Không đồng ý vì ông Ố không phải con đẻ của ông Phạm N và bà Nguyễn Thị S.

Toàn bộ phần đất bà được nhận từ việc chia tài sản chung, chia di sản thừa kế bà tặng cho bà D.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ C trình bày:**

Theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh N1 thì bà đang sử dụng 203,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 489a của hộ gia đình ông Phạm Như . Tuy nhiên, phần đất này do bà D cho bà sử dụng (việc cho chỉ nói miệng, không lập thành văn bản). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Ó, bà D không có tranh chấp với bà về phần đất này và đồng ý để bà tiếp tục sử dụng thì bà đồng ý tiếp tục sử dụng. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ thương lượng giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ: Điều 5, khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các điều 209, 212, 219; 649; 650; 651; 653 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ó về việc “*Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình; chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Chia cho ông Phạm Ó được quyền sử dụng thửa đất số 498a tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính xã P có diện tích là 619,1m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm: 6-7-8-9-10-11 tại Trích lục số 441 ngày 22/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1 do bà Phạm Thị D đang sử dụng có nghĩa vụ giao lại cho ông Phạm Óm .1

2. Chia cho bà Phạm Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 498 tờ bản đồ số 08 xã P có diện tích là 2032,2m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm: 1-2- 3-4-5-6-11-12-13-14-15 tại Trích lục số 441 ngày 22/4/2024 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà Phạm Thị D có đơn kháng cáo nội dung: *Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ó*

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

*Tại biên bản làm việc ngày 31/12/2024, nguyên đơn ông Phạm Ó và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ C thỏa thuận như sau: Bà C đồng ý trả 131m<sup>2</sup> trong số 203,2m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 489a bà đang quản lý cho ông Phạm Ó để ông Ó có đủ diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Tại biên bản làm việc ngày 31/12/2024, nguyên đơn ông Phạm Ó và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ C thỏa thuận như sau: Bà C đồng ý trả 131m<sup>2</sup> trong số 203,2m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 489a bà đang quản lý cho ông Phạm Ó để ông Ó có đủ diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận này. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Phạm Thị D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự theo hướng: Đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận thỏa thuận của các đương sự.

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.*

*Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.*

*Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

**[1.1]** Ngày 11 tháng 9 năm 2024 bị đơn bà Phạm Thị D nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

**[1.2]** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thúy P, bà Phạm Thị Mỹ C có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P, bà C.

**[1.3]** Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, chia di sản thừa kế theo pháp luật*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Phạm Thị D tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

[3.2] Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà D xác định đây là tài sản chung và đồng ý phân chia làm 05 phần và cấp sơ thẩm phân chia diện tích đất làm 05 phần là phù hợp pháp luật (BL 67, 75) nhưng cấp sơ thẩm xác định diện tích đất của thửa 489a là  $619\text{m}^2$  là không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại và phân chia lại như sau:  $2.032,2\text{m}^2$  (thửa 489) +  $822,3\text{m}^2$  (thửa 489a) =  $2.854,5\text{m}^2 : 5$  (nhân khẩu) =  $570,9\text{m}^2/\text{nhân khẩu}$ .

[3.3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Phạm Ổ và bà Phạm Thị Mỹ C đã thỏa thuận (BL 107): bà C đồng ý trả lại  $131\text{m}^2$  thuộc 01 phần thửa đất 489a mà bà C nhận chuyển nhượng miệng từ cụ S và bị đơn bà D mà bà C đang quản lý, sử dụng để ông Ổ đủ diện tích tách sổ theo quy định tại Quyết định 84/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh N và ông Ổ hỗ trợ cho bà C 5.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận này là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận: Sửa bản án dân sự sơ thẩm, giao cho ông Phạm Ổ quản lý, sử dụng  $750\text{m}^2$  đất gồm các điểm (7,8,9,19,20,21,1,2,3) thuộc thửa 489a, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục số 26/2025 ngày 14/01/2025 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1. Bà D có nghĩa vụ giao  $619,1\text{m}^2$ , bà C có nghĩa vụ giao  $131\text{m}^2$  cho ông Ổ.

[3.3] Ông Phạm Ổ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ngày 17/01/2025 theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Ổ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án về phần án phí sơ thẩm của ông Ổ.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị D; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về chi phí đo đạc, định giá và án phí:

[5.1] Về chi phí đo đạc, định giá: ông Phạm Ô tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[5.2] Về án phí:

\* *Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Ô

- Bà Phạm Thị D phải chịu **5.868.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm [(Cách tính:  $2032.2\text{m}^2 \times 57.750 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$  (đã làm tròn số)].

\* *Án phí dân sự phúc thẩm:* Do sửa án sơ thẩm nên bà D không phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 289; Điều 300; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Tuyên bố:**

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ: Điều 5, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 209, 212, 219; 649; 650; 651; 653 Bộ luật dân sự năm 2015. Các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ô về việc “*Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Giao cho ông Phạm Ô được quyền quản lý, sử dụng 750m<sup>2</sup> đất gồm các điểm (7,8,9,19,20,21,1,2,3) thuộc thửa 489a, tờ bản đồ số 08 xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục số 26/2025 ngày 14/01/2025 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1. Buộc bà D có nghĩa vụ giao 619,1m<sup>2</sup>, bà C có nghĩa vụ giao 131m<sup>2</sup> cho ông Phạm Ô

2. Giao cho bà Phạm Thị D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 498 tờ bản đồ số 08 xã P có diện tích là 2032.2m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm: 1-2-3-4-5-6-11-12-13-14-15 tại Trích lục số 441 ngày 22/4/2024 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Phạm Ô được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Ô 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000874 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Phạm Thị D phải chịu **5.868.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Bà Phạm Thị D không phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004562 ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận do ông Trần Minh T nộp thay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(*Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính số 441 ngày 22/4/2024 và Trích lục bản đồ địa chính số 26/2025 ngày 14/01/2025 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N1*).

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Trang**



